

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Đức Cường.

2. Ông Nông Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị C, sinh năm 1985. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Triệu Đức H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn N, xã N1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Ma Thị C trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C có đăng ký kết hôn với anh H vào ngày 17/01/2005, đăng ký tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Trước khi kết hôn chị C, anh H được

tìm hiểu nhau rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã N1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, yêu thương nhau. Cho đến năm 2015 do chị C đi làm công nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm về cách làm ăn, không thể tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được nên chị C và anh H đã sống ly thân từ năm 2017. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị C, anh H có 02 con chung với nhau. Các con chung có họ và tên Triệu Tuyết N, sinh ngày 15/12/2004 và Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh H tại thôn N, xã N1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có họ và tên Triệu Tiến H và anh H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có họ và tên Triệu Tuyết N theo nguyện vọng của con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Triệu Đức H tại biên bản lấy lời khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận quá trình tìm hiểu, đi đến kết hôn và tình trạng hôn nhân giữa anh với chị C như chị C đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do năm 2015 chị C đi làm công nhân ít về thăm chồng con, từ năm 2017 chính thức vợ chồng sống ly thân đến nay, những mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị C không thể hòa giải và hàn gắn quay về chung sống với nhau được nữa. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đồng ý ly hôn chị C.

Về con chung: Anh H và chị C có 02 con chung. Các con chung có họ và tên Triệu Tuyết N, sinh ngày 15/12/2004 và Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh H tại thôn N, xã N1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Vì hiện nay anh có thu nhập cao hơn chị C, anh đã có nhà ở ổn định. Các con chung đang ở và đi học ổn định tại thôn N, xã N1 nên các con ở với anh H sẽ đảm bảo các con không bị xáo trộn về tinh thần và học tập. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08/5/2020 và ngày 04/6/2020 nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết tòa bộ vụ án, nên tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Nguyên đơn là chị Ma Thị C, tại phiên tòa có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có họ và tên Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn là anh Triệu Đức H tại phiên tòa có thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn chị C và không nhất trí giao con chung có họ và tên Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009 cho chị Ma Thị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục với lý do là cuối năm 2016 và đầu năm 2017 anh H đưa tiền cho chị C hai lần trong đó một lần đưa là 35.000.000đ và một lần đưa 50.000.000đ, tổng số tiền đưa cho chị C là: 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) nhưng không viết giấy, không có ai chứng kiến. Mục đích anh H đưa tiền cho chị C cầm, giữ là để chi tiêu cho các con và sinh hoạt gia đình sau này, anh H không có mục đích cho vay hoặc cho mượn, tại thời điểm anh H đưa tiền cho chị C cầm vợ chồng không có mâu thuẫn, nên anh H đã lấy lại 38.000.000đ; nay chị C đồng ý hoàn lại số tiền 47.000.000đ, cho anh H, thì anh H đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung có họ và tên Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009 cho chị Ma Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung anh H nhất trí như lời khai lời trình tại biên bản ghi lời khai và các biên bản hòa giải. Ngoài ra anh H không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Ma Thị C với anh Triệu Đức H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ma Thị C được ly hôn anh Triệu Đức H.

Về con chung: Giao con chung tên là Triệu Tuyết N, sinh ngày 15/12/2004 cho anh H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung tên là Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009 cho chị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị C, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Sau ly hôn chị C, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không nộp thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người làm chứng. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh H có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải được và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị C và anh H hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Tuy nhiên, chị C và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị C vẫn kiên quyết xin được ly hôn anh H và anh H cũng đồng ý ly hôn chị C tại biên bản ghi lời khai và các phiên hòa giải nhưng tại phiên tòa anh H thay đổi ý kiến là không nhất trí ly hôn chị C, nếu chị C muốn ly hôn và được quyền nuôi con thì phải hoàn trả lại số tiền 47.000.000 đ mà anh H cho chị C từ cuối năm 2016, đầu năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H nại ra buộc chị C phải hoàn trả lại khoản tiền 47.000.000đ là không có căn cứ, vì chị C đã chi tiêu sử dụng chung trong gia đình, tuy nhiên chị C không thể nhớ chi tiết là chi vào từng khoản như thế nào vì đã lâu hơn ba năm nay. Mặt khác tình trạng hôn nhân của chị C và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 56 có nội dung như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị C xin được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung. Hai con chung gồm có họ và tên Triệu Tuyết N, sinh ngày 15/12/2004 và Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009. Con chung Triệu Tuyết N có nguyện vọng được ở với bố còn con chung Triệu Tiến H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ xét nguyện vọng của hai con chung là phù hợp. Xét về điều kiện nuôi con thì chị C hiện nay đi làm công nhân, thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ. Qua xác minh chị C chưa có nhà ở, hiện nay chị đang ở nhờ tại nhà của bố mẹ chị và chưa có tài sản riêng có giá trị lớn. Anh H hiện nay cũng đi làm công nhân, thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ. Các đương sự đã giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập cho Tòa án. Về nhà ở, hiện nay anh H đã có một nhà sàn gỗ ở ổn định tại thôn N, xã N1. Hội đồng xét xử xem xét điều kiện nuôi con của chị C và anh H cho phù hợp với nguyện vọng của con và trách nhiệm, điều kiện của bố, mẹ đối với con chung. Vì vậy, nên giao cho mỗi bên nuôi một con sẽ đảm bảo việc nuôi dạy, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tốt hơn. Qua xác minh thì thấy đối với anh H hiện nay còn có mẹ đẻ năm nay đã 80 tuổi vẫn khỏe mạnh và lao động giúp anh H được nhưng về sau sức khỏe của mẹ anh H cũng có những thay đổi ở độ tuổi già nếu giao cả hai con cho anh H nuôi sẽ bị ảnh hưởng nhất định. Qua xác minh gia đình (Bố, mẹ đẻ) chị C thấy bố, mẹ chị C

hiện nay là cán bộ nghỉ hưu và có sức khỏe tốt nếu chị C buộc phải ly hôn anh H thì bố, mẹ nhất trí cho chị C và con chị C về ở chung cùng gia đình bên ngoại sinh sống, ăn ở lao động học tập, bố, mẹ chị C vẫn còn sức khỏe trông nom chăm sóc ăn ở, đưa đón con chị C đi học để chị C yên tâm đi làm công nhân kiếm tiền nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì chị C, anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh H ra điều kiện chị C phải hoàn trả lại đối với số tiền 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng) từ cuối năm 2016 và đầu năm 2017 anh H đưa cho chị C cầm và giữ để chi tiêu cho con cái và gia đình sau này. Hội đồng xét xử thấy biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2020 anh H cũng không trình bày khoản tiền này và trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/5/2020; biên bản hòa giải ngày 08/5/2020 và biên bản hòa giải ngày 04/6/2020, anh H không yêu cầu và không có đơn yêu cầu phản tố. Nên đối với số tiền 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng) sẽ không giải quyết ở cùng vụ án này anh H có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Ma Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị C xin ly hôn, nuôi con đối với anh Triệu Đức H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị C được ly hôn anh Triệu Đức H.

- Về con chung: Chị Ma Thị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có họ và tên Triệu Tiến H, sinh ngày 26/8/2009; anh Triệu Đức H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có họ và tên Triệu Tuyết N, sinh ngày 15/12/2004 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (hiện nay cả hai con chung đang ở với anh H tại thôn N, xã N1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Ma Thị C và anh Triệu Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con

khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 26 và khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ma Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ma Thị C đã nộp theo biên lai số 06188 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cận